### 2.3.11 Usecase “Quản lý sản phẩm”

* Tên use case: Quản lý sản phẩm
* Mô tả vắn tắt: Use case này cho phép người quản trị xem, thêm ,sửa, xóa các sản phẩm trong bảng products
* Luồng sự kiện:

o Luồng cơ bản:

Bước 1: Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý sản phẩm” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm gồm id, category\_id, title, avatar, price, weight, supplier, summary, hot, status từ bảng products và categories trong CSDL và hiển thị ra màn hình.

Bước 2: Use case cho phép người quản trị Thêm sản phẩm

1. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách sản phẩm. Hệ thống hiển thị lên màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết gồm category\_name, title, avatar, price, weight, supplier, summary, content,hot, status.
2. Người quản trị nhập thông tin và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sinh một mã sản phẩm mới, tạo một sản phẩm mới trong bảng products và hiển thị danh sách các sản phẩm đã được cập nhật.

Bước 3: Use case cho phép người quản trị Sửa sản phẩm

1. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của sản phẩm được chọn gồm: category\_name, title, avatar, price, weight, supplier, summary, content, status từ bảng products và categories và hiển thị lên màn hình.
2. Người quản trị nhập thông tin mới category\_name, title, avatar, price, weight, supplier, summary, content, status và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sửa thông tin và hiển thị danh sách sản phẩm đã cập nhật.

Bước 4: Use case cho phép người quản trị Xóa sản phẩm

1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng . Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
2. Người quản trị kích vào nút “OK”. Hệ thống sẽ xóa sản phẩm được chọn khỏi bảng products và hiển thị danh sách các sản phẩm đã cập nhật. Use case kết thúc.

o Luồng rẽ nhánh:

+ Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Back” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các sản phẩm.

+ Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các sản phẩm.

+ Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt: Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.
* Tiền điều kiện: Người quản trị cần đăng nhập với vai trò người quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.
* Hậu điều kiện: Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin sẽ được cập nhật trong CSDL.
* Điểm mở rộng: Không có.

### 2.3.11 Usecase “Quản lý danh mục”

* Tên use case: Quản lý danh mục
* Mô tả vắn tắt: Use case này cho phép người quản trị xem, thêm ,sửa, xóa các danh mục trong bảng categories
* Luồng sự kiện:

o Luồng cơ bản:

Bước 1: Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý danh mục” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm gồm id, name, avatar, description, status, create\_at, updated\_at từ bảng categories trong CSDL và hiển thị ra màn hình.

Bước 2: Use case cho phép người quản trị Thêm danh mục

1. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách danh mục. Hệ thống hiển thị lên màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết gồm name, avatar, description, status.
2. Người quản trị nhập thông tin và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sinh một mã danh mục mới, tạo một danh mục mới trong bảng categories và hiển thị danh sách các danh mục đã được cập nhật.

Bước 3: Use case cho phép người quản trị Sửa danh mục

1. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh mục được chọn gồm: name, avatar, description, status từ bảng categories và hiển thị lên màn hình.
2. Người quản trị nhập thông tin mới name, avatar, description, status và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sửa thông tin và hiển thị danh sách danh mục đã cập nhật.

Bước 4: Use case cho phép người quản trị Xóa danh mục

1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng . Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
2. Người quản trị kích vào nút “OK”. Hệ thống sẽ xóa danh mục được chọn khỏi bảng categories và hiển thị danh sách các danh mục đã cập nhật. Use case kết thúc.

o Luồng rẽ nhánh:

+ Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Back” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các danh mục.

+ Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các danh mục.

+ Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt: Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.
* Tiền điều kiện: Người quản trị cần đăng nhập với vai trò người quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.
* Hậu điều kiện: Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin sẽ được cập nhật trong CSDL.
* Điểm mở rộng: Không có.

### 2.3.11 Usecase “Quản lý banner”

* Tên use case: Quản lý banner
* Mô tả vắn tắt: Use case này cho phép người quản trị xem, thêm ,sửa, xóa các banner trong bảng slides
* Luồng sự kiện:

o Luồng cơ bản:

Bước 1: Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý banner” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm gồm id, avatar, position, component\_img, title\_componentImg, title\_detail, store\_img, status, create\_at, updated\_at từ bảng slides trong CSDL và hiển thị ra màn hình.

Bước 2: Use case cho phép người quản trị Thêm banner

1. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách banner. Hệ thống hiển thị lên màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết gồm avatar, position, component\_img, title\_componentImg, title\_detail, store\_img, status.
2. Người quản trị nhập thông tin và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sinh một mã banner mới, tạo một banner mới trong bảng slides và hiển thị danh sách các banner đã được cập nhật.

Bước 3: Use case cho phép người quản trị Sửa banner

1. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh mục được chọn gồm: avatar, position, component\_img, title\_componentImg, title\_detail, store\_img, status từ bảng slide và hiển thị lên màn hình.
2. Người quản trị nhập thông tin mới avatar, position, component\_img, title\_componentImg, title\_detail, store\_img, status và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sửa thông tin và hiển thị danh sách banner đã cập nhật.

Bước 4: Use case cho phép người quản trị Xóa banner

1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng . Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
2. Người quản trị kích vào nút “OK”. Hệ thống sẽ xóa banner được chọn khỏi bảng slides và hiển thị danh sách các banner đã cập nhật. Use case kết thúc.

o Luồng rẽ nhánh:

+ Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Back” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các banner.

+ Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các banner.

+ Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt: Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.
* Tiền điều kiện: Người quản trị cần đăng nhập với vai trò người quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.
* Hậu điều kiện: Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin sẽ được cập nhật trong CSDL.
* Điểm mở rộng: Không có.

### 2.3.11 Usecase “Quản lý tin tức”

* Tên use case: Quản lý tin tức
* Mô tả vắn tắt: Use case này cho phép người quản trị xem, thêm ,sửa, xóa các tin tức trong bảng news.
* Luồng sự kiện:

o Luồng cơ bản:

Bước 1: Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý tin tức” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm gồm id, category name, title, avatar, status, create\_at, updated\_at từ bảng news trong CSDL và hiển thị ra màn hình.

Bước 2: Use case cho phép người quản trị Thêm tin tức

1. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách tin tức. Hệ thống hiển thị lên màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết gồm category name, title, avatar, status, summary, content.
2. Người quản trị nhập thông tin và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sinh một mã tin tức mới, tạo một tin tức mới trong bảng news và hiển thị danh sách các tin tức đã được cập nhật.

Bước 3: Use case cho phép người quản trị Sửa tin tức

1. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh mục được chọn gồm: category name, title, avatar, status, summary, content từ bảng news và hiển thị lên màn hình.
2. Người quản trị nhập thông tin mới category name, title, avatar, status, summary, content và kích vào nút “Save”. Hệ thống sẽ sửa thông tin và hiển thị danh sách tin tức đã cập nhật.

Bước 4: Use case cho phép người quản trị Xóa tin tức

1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng . Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
2. Người quản trị kích vào nút “OK”. Hệ thống sẽ xóa tin tức được chọn khỏi bảng news và hiển thị danh sách các tin tức đã cập nhật. Use case kết thúc.

o Luồng rẽ nhánh:

+ Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Back” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các tin tức.

+ Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các tin tức.

+ Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt: Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.
* Tiền điều kiện: Người quản trị cần đăng nhập với vai trò người quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.
* Hậu điều kiện: Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin sẽ được cập nhật trong CSDL.
* Điểm mở rộng: Không có.

